

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 2929-CV/TU ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp ngày 31/12/2021 về một số nội dung theo thẩm quyền, trong đó chấp thuận chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022;

Thực hiện ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 10/HĐND-VP ngày 10 tháng 01 năm 2022 về chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 8179/TTr-STC ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc trợ cấp trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 và Công văn số 8496/STC-QLNS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc điều chỉnh, bổ sung đối tượng được hỗ trợ Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nội dung hỗ trợ:

I. Hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 cho các đối tượng theo mức hỗ trợ như sau:

1. Mức 5.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí:

a) Là đảng viên 65 năm tuổi Đảng trở lên (*Riêng các đồng chí có 70 năm tuổi Đảng trở lên mỗi đồng chí kèm theo 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng/đồng chí*).

b) Là cán bộ hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng 8 năm 1945.

2. Mức 3.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là: Đảng viên từ 55 năm đến 64 năm tuổi Đảng.

3. Mức 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là: Đảng viên từ 40 năm đến 54 năm tuổi Đảng.

4. Mức 1.000.000 đồng/người (hoặc 1.000.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Đảng viên từ 30 năm đến 39 năm tuổi Đảng.

b) Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ và các hợp đồng lao động đã được Ban thường vụ Tỉnh ủy chấp thuận còn hiệu lực đến thời điểm hiện nay) hiện đang công tác trong cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp, tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng hiện đang hưởng lương từ ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và nhân viên của 06 bệnh viện công lập của tỉnh đã thực hiện cơ chế tự chủ tài chính về chi thường xuyên (gồm: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh; Bệnh viện đa khoa Thống Nhất; Bệnh viện Nhi Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành).

c) Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ) và cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ ấp, khu phố theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai.

d) Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ) hiện đang công tác, làm việc ở một số cơ quan tại địa phương nhưng hưởng kinh phí theo ngành dọc: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Cục Thống kê, Cục Quản lý Thị trường, Ngân hàng Nhà nước, Cục và Chi cục Thi hành án, Bảo hiểm xã hội; cán bộ, nhân viên của các cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh; cán bộ, công chức phục vụ Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ chiến sĩ chính quy thuộc lực lượng vũ trang của các đơn vị gồm: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Trại giam Xuân Lộc, Trường Giáo dưỡng số 04.

đ) Cán bộ, nhân viên trong biên chế (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ) của một số cơ quan, trường học, bệnh viện của Trung ương nằm trên địa bàn tỉnh có mối quan hệ trực tiếp với địa phương gồm: Đài Khí tượng Thủy văn, Bệnh viện Tâm thần, Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, Bệnh viện 7B, Trường Trung cấp Thống kê II, Trường Cao đẳng Trang trí Mỹ thuật Đồng Nai, Trường Đại học Lâm nghiệp cơ sở 2 (Trảng Bom), Trường Cao đẳng nghề Lilama II (Long Thành), Trường Cao đẳng nghề số 8 (Biên Hòa), Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi (Trảng Bom), Trường Trung cấp nghề Cơ điện

Đông Nam Bộ (Vĩnh Cửu), Vườn Quốc gia Cát Tiên, Phân xã Đồng Nai và phóng viên thường trú báo Nhân dân tại Đồng Nai; giáo viên Khoa Nghiên cứu Văn hóa người Diêm - Trường Đại học Đồng Nai.

(Đối tượng nêu tại điểm b, c, d và đ nêu trên có hệ số lương cộng phụ cấp vượt khung từ 5,0 trở xuống hoặc có mức trợ cấp quy đổi từ 5,0 trở xuống bao gồm các mức lương: Cán sự có 12 bậc hệ số lương tối đa là 4,06; Chuyên viên có 9 bậc, hệ số lương tối đa là 4,98; Chuyên viên chính ở bậc 2 là 4,74).

e) Phó Trưởng công an xã và công an viên xã (công an viên thường trực ở xã và công an viên phụ trách ở ấp).

g) Phó Chỉ huy trưởng quân sự, lực lượng dân quân thường trực ở huyện; ở xã, phường, thị trấn.

h) Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng kể cả vợ hoặc chồng của liệt sĩ đã lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hàng tháng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hoặc đang thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng.

i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

k) Thương binh, bệnh binh đã được xếp hạng có hồ sơ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý (trừ thương binh đang công tác ở những doanh nghiệp có hưởng lương).

l) Thương binh hiện đang công tác tại các lực lượng vũ trang do Công an và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai quản lý và chi trả trợ cấp hàng tháng.

m) Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng.

n) Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày có hồ sơ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý đang hưởng trợ cấp thường xuyên theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

o) Người hưởng lương hưu, người hưởng trợ cấp mất sức lao động, tai nạn lao động đang được hưởng trợ cấp thường xuyên hàng tháng. Riêng các đồng chí nguyên là Giám đốc Sở và tương đương đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên được hỗ trợ thêm 01 phần quà tương đương trị giá 1.000.000 đồng.

p) Người được hưởng chế độ tiền tuất (từ trần).

q) Người được hưởng trợ cấp phục vụ Mẹ Việt Nam Anh hùng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thương binh, bệnh binh nặng, người bị tai nạn lao động nặng trên 81%.

r) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang được hưởng trợ cấp thường xuyên.

s) Gia đình, thân nhân các đồng chí cán bộ đang làm nhiệm vụ ở nơi đặc biệt khó khăn gian khổ thuộc quần đảo Trường Sa và DK1 được hưởng mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/hộ (không tính theo số người trong hộ).

t) Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương được hưởng chế độ trợ cấp

hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 và Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Mức 800.000 đồng/hộ hỗ trợ cho các đối tượng là:

a) Hộ nghèo đầu năm 2022 (không tính theo số người trong hộ) theo chuẩn của Trung ương tại Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính Phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

b) Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày nhưng chưa có hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên theo quy định do hồ sơ gốc bị thất lạc.

6. Mức 600.000 đồng/người (hoặc 600.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Hộ cận nghèo đầu năm 2022 (không tính theo số người trong hộ) theo chuẩn của Trung ương tại Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính Phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

b) Học sinh đang học tại các Trường Dân tộc nội trú của tỉnh; Học sinh là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu Đồng Nai và đang theo học ở các trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp và các trung tâm cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Học sinh của Khoa Nghiên cứu Văn hóa người Diêm - Trường Đại học Đồng Nai.

c) Vận động viên thể dục thể thao trong đội tuyển, đội trẻ và năng khiếu do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý.

d) Các đối tượng ở các Trung tâm Bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập (đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định công nhận).

đ) Các đối tượng tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

e) Các đối tượng đang được hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.

7. Mức 400.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Bệnh nhân đang nằm điều trị tại các cơ sở y tế của Trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh, Bệnh nhân đang điều trị COVID-19 tại các bệnh viện dã chiến của tỉnh quản lý do yêu cầu điều trị không về nhà ăn Tết với gia đình, phải ăn Tết tại cơ sở y tế;

b) Người lang thang cơ nhỡ tập trung về ăn Tết tại Trung tâm Bảo trợ huấn nghệ cô nhi Biên Hòa.

8. Mức 200.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Học viên thuộc cơ sở điều trị nghiện ma túy.

b) Phạm nhân đã bị kết án đang được giam giữ trong các cơ sở giam giữ thuộc lực lượng Công an địa phương quản lý; Trại viên, học viên tại Trường Giáo dưỡng số 4 (xã An Phước, huyện Long Thành); Phạm nhân tại Trại giam Xuân Lộc thuộc Bộ Công an.

9. Các đơn vị khác gồm:

Các đồng chí nguyên Bí thư tỉnh ủy, Phó bí thư tỉnh ủy; Ủy viên thường vụ tỉnh ủy, Ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh các khóa đã nghỉ hưu; Các đồng chí Trưởng, Phó các ban đảng, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên; Cán bộ chính sách và gia đình các cán bộ chính sách; Các đồng chí và gia đình các đồng chí có công đóng góp cho Tỉnh ủy Biên Hòa; Gia đình các đồng chí Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh các khóa đã nghỉ hưu, đã từ trần hưởng mức đề xuất hỗ trợ của Ban Tổ chức Tỉnh ủy tại Công văn số 2430-CV/BTCTU ngày 25/11/2021 về việc đề xuất kinh phí tặng quà Tết nguyên đán năm 2022 cho cán bộ chính sách.

II. Nguồn kinh phí:

1. Các đối tượng nêu tại Khoản 1; Khoản 2; Khoản 3; Điểm a Khoản 4 (Đảng viên 30 năm tuổi Đảng trở lên và cán bộ hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng 8 năm 1945 và các đối tượng thuộc Điểm b, c, e và g Khoản 4, Điểm a Khoản 5, Điểm a và e, Khoản 6, Mục I (thuộc cấp huyện và cấp xã): do ngân sách cấp huyện cân đối cấp kinh phí.

2. Các đối tượng còn lại: Do ngân sách cấp tỉnh cân đối cấp kinh phí.

III. Về tổ chức cấp phát:

1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chịu trách nhiệm chi trả:

Các đồng chí nguyên Bí thư tỉnh ủy, Phó bí thư tỉnh ủy; Ủy viên thường vụ tỉnh ủy, Ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh các khóa đã nghỉ hưu; Các đồng chí Trưởng, Phó các ban đảng, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên; Cán bộ chính sách và gia đình các cán bộ chính sách; Các đồng chí và gia đình các đồng chí có công đóng góp cho Tỉnh ủy Biên Hòa; Gia đình các đồng chí Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh các khóa đã nghỉ hưu, đã từ trần hưởng mức đề xuất hỗ trợ của Ban Tổ chức Tỉnh ủy tại công văn 2430-CV/BTCTU ngày 25/11/2021 về việc đề xuất kinh phí tặng quà Tết nguyên đán năm 2022 cho cán bộ chính sách; Và các đồng chí tại Khoản 1, 2, 3 và Điểm a, Khoản 4, Mục II (phần đối tượng ở các cơ quan Khối đảng tỉnh quản lý).

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng tại Điểm d, đ Khoản 4; Điểm a Khoản 7 (bệnh nhân của các bệnh viện Trung ương) và Điểm b Khoản 8, Mục I.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chi trả cho các đối tượng tại Điểm h, i, k, m, n, o, p, q, r, t Khoản 4; Điểm b Khoản 5; Điểm b (học sinh do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý), d Khoản 6; Điểm b Khoản 7 và Điểm a Khoản 8 Mục II:

Riêng đối tượng quy định tại Điểm o Khoản 4, Mục I: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đồng Nai lập thủ tục cấp phát, chi trả kịp thời cho các đối tượng kịp thời. Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm cung cấp danh sách đối tượng được hỗ trợ, họ tên, địa chỉ chính xác, và danh sách chống trùng... cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm căn cứ

chi trả. Trừ các đồng chí nguyên là Giám đốc Sở và tương đương đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên.

4. Sở Y tế chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng tại Điểm a Khoản 7 Mục I (bệnh nhân của các bệnh viện địa phương và bệnh nhân điều trị COVID-19 ở bệnh viện dã chiến do Sở Y tế quản lý).

5. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng nêu tại Điểm b Khoản 6 (là học sinh đang học tại các trường Dân tộc nội trú của tỉnh) và Điểm đ Khoản 6 Mục I.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng nêu tại Điểm b Khoản 6 (học sinh là người dân tộc thiểu số đang học trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật) và Điểm c Khoản 6 Mục I.

7. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và Công an tỉnh chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng tại Điểm l Khoản 4 Mục I (thương binh do đơn vị quản lý); Bệnh nhân điều trị COVID-19 ở bệnh viện dã chiến do đơn vị quản lý (nếu có). Riêng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh chi trả thêm các đối tượng tại Điểm s Khoản 4 Mục I.

8. Trường Đại học Đồng Nai chi trả cho các đối tượng nêu tại Điểm b Khoản 6 Mục I (học sinh của Khoa Nghiên cứu Văn hóa người Diết và học sinh dân tộc có hộ khẩu Đồng Nai đang theo học ở Trường Đại học Đồng Nai).

9. Trường cao đẳng Y tế Đồng Nai chi trả cho các đối tượng nêu tại Điểm b Khoản 6 Mục I (Học sinh là người dân tộc thiểu số đang học tại Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai).

10. Ban Dân tộc chi trả cho các đối tượng nêu tại Điểm b Khoản 6 Mục I (là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu Đồng Nai và đang theo học ở các trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp và các trung tâm cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn lại ngoài các trường đã có đơn vị chủ quản chi trả nêu trên).

11. Sở Nội vụ chi trả cho các đối tượng nêu tại Điểm o Khoản 4 Mục II (các đồng chí nguyên là Giám đốc Sở và tương đương đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên).

Lưu ý: Các đối tượng tại Điểm b Khoản 4 Mục I (CBCC cấp tỉnh); Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Mục I; các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các địa phương chủ động sử dụng dự toán chi ngân sách được giao năm 2022 để chi trả kịp thời cho cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng được hưởng hỗ trợ Tết kịp thời.

Điều 2. Ngoài mức hỗ trợ và các đối tượng nêu trên, ngân sách nhà nước các cấp tỉnh, huyện, xã không được chi thêm một khoản hỗ trợ Tết nào khác. Trong trường hợp đối tượng được hưởng nhiều mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất. *(trừ các trường hợp là các đồng chí là Đảng viên 30, 40, 50, 55, 60 và 65 tuổi Đảng trở lên được hỗ trợ nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam 03/2 và Tết Nguyên đán năm 2022).*

- Số lượng CBCC, người hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong biên chế được giao tại các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp được hỗ trợ Tết tính theo danh sách hưởng lương tháng 01/2022 của đơn vị.

- Các đối tượng là bệnh nhân, phạm nhân, trại viên... được hỗ trợ Tết tính theo danh sách quản lý của đơn vị từ ngày 31/01/2022 đến hết ngày 04/02/2022 (30 Tết hết mừng 04 Tết âm lịch theo quy định của Luật Lao động).

- Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng trước ngày 22/01/2022 (20 tháng 12 Âm lịch); đồng thời thực hiện chi trả lương và các khoản trợ cấp tháng 02/2022 cho cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng liên quan trước Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài chính căn cứ Quyết định này hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện hỗ trợ trong dịp tết nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 trên địa bàn tỉnh theo quy định; đồng thời chủ động phối hợp các ngành, các cấp, các cơ quan Mặt trận, hội, đoàn thể kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện hỗ trợ, không để xảy ra tình trạng lạm dụng, sai sót, cấp không đúng đối tượng làm thất thoát tiền ngân sách nhà nước.

Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp kết quả hỗ trợ Tết, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/01/2022.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các hội, đoàn thể;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo ĐN, Báo LĐĐN;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, QTTV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức